

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày 01-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Sơn – Cán bộ hưu trí, nguyên hiệu trưởng trường tiểu học Quang Trung.
- Bà Trần Thị Lệ – Trưởng phòng Lao động thương binh và xã hội thị xã Phú Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường G - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 năm 2024 và 01 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K, sinh ngày 23/01/2004 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị M; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Tấn P, tên gọi khác: Phát Gao; sinh ngày 27/8/2005 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn T1 và bà Nguyễn Thị C; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 03/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Tấn L, sinh ngày 02/5/2006 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

Nhân thân: Tại Bản án số 167/2024/HS – ST ngày 17/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Nguyễn Tấn L 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

4. Nguyễn Thành A, sinh ngày 22/01/2006 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Thanh H1; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Trường V, sinh ngày 09/10/2006 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thúy K1; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Văn L1, sinh ngày 16/3/2005 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K2 và bà Đặng Thị Kim Đ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

Nhân thân: Tại Bản án số 167/2024/HS – ST ngày 17/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Nguyễn Văn L1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

7. Lê Minh Q, sinh ngày 12/6/2006 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lê T3; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

8. Trần Phạm Tuấn K3, sinh ngày 15/01/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Đ1 và bà Phạm Ngọc T4; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

9. Nguyễn Lê Quốc A1, sinh ngày 10/9/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T5 và bà Lê Thị Ngọc P2; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Đình Sơn N1, sinh ngày 11/7/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sơn H2 và bà Nguyễn Thị Hải Y; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (Có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành A: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn L: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đình Sơn N2: Ông Nguyễn Sơn H2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trường V: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 và bà Trần Thúy K1, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Minh Q: Bà Nguyễn Thị Lệ T3, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1: Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Ngọc P2, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Phạm Tuấn K3: Ông Trần Đình Đ1, sinh năm 1978 và bà Phạm Ngọc T4, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Tấn L - Luật sư Lê Viết T6, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Lê Minh Q, Nguyễn Trường V - Luật sư Lê Thị T7, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

- Người bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1, Trần Phạm Tuấn K3 - Luật sư Lê Minh P3, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

Bị hại:

- Bà Lê Thị H3, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

- Bà Trương Thị T8, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lý Thị T9, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái

- Bà Đặng Thị Tuyết D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bà Lê Thị N3, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đội 3, thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Duy P4, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Hồ Thị Cẩm L3, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn P5, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Trần Văn M1, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Lê Văn T10, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số C đường số A, khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Thúy A2, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Minh T11, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Trần Phạm Quang V1, sinh năm 2001 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn

Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 cùng nhau bàn bạc sẽ điều khiển xe mô tô mang theo hung khí nguy hiểm là tuýp sắt, dao tự chế đi đến quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Cụ thể, K, P mang theo dao tự chế trực tiếp đi vào trong quán dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với chủ quán hoặc khách đến uống nước để cướp tài sản, L mang theo tuýp sắt để hỗ trợ K, P và đập bể các Camera trong quán (nếu có), còn A, V, Q, K3, A, N1, L1 sẽ đứng ở bên ngoài canh giới và nổ máy xe chờ sẵn. Sau khi K, P, L cướp được tài sản sẽ chạy ra ngoài lên xe rồi cả nhóm tẩu thoát. Với thủ đoạn như trên, từ ngày 17/12/2023 đến ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Vụ thứ 01: Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 rủ nhau đi tìm các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. K, L ra phía sau căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A lấy 02 cây dao tự chế giấu trong áo khoác, sau đó K3 điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 72E1-905.47 chở theo S, V, còn Quốc A1 điều khiển xe Wave màu xanh, biển số: 72E1-920.50 chở theo K, L đi đến quán cà phê “Kim Ngân” ở khu phố V, phường P, thị xã P do bà Lê Thị H3 làm chủ. Khi đến trước quán, K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài canh giới và nổ máy xe đợi sẵn, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà H3 cướp số tiền 220.000 đồng rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 2: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Kim Ngân”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 tiếp tục đi đến quán cà phê vông “368” ở khu phố S, phường T, thị xã P do bà Trương Thị T8 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài canh giới và nổ máy xe đợi sẵn, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà T8 cướp số tiền 500.000 đồng rồi ra ngoài tẩu thoát.

Vụ thứ 3: Sau khi rời khỏi quán cà phê vông “368”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 tiếp tục di chuyển đến quán cà phê “Biển Nhỏ” thuộc khu phố S, phường T, thị xã P do bà Nguyễn Thị Bích L2 làm chủ. K3, S, V, Quốc A1 đứng bên ngoài canh giới, còn K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa không chế bà L2 cướp số tiền 200.000 đồng. Lúc này, trong quán còn có một vị khách nam (không rõ nhân thân, lai lịch) đến uống nước cũng bị K, L đe dọa cướp số tiền 200.000 đồng. Sau khi cướp được tài sản của bà L2 và người khách nam, K, L chạy ra trước quán lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 4: Sau khi cướp tài sản ở quán cà phê “Biển Nhớ”, Nguyễn Minh K nói Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Đình Sơn N2 đi về trước để Nguyễn Lê Quốc A1 chở Nguyễn Tấn L với K đi công việc. Sau đó, K nói Quốc A1 chở K, L đến quán cà phê “Hồ N” thuộc khu phố V, phường P, thị xã P do bà Lý Thị T9 làm chủ. Quốc A1 dừng xe trước quán nổ máy đứng đợi sẵn còn K, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa khống chế bà T9 cướp số tiền 100.000 đồng. Sau khi cướp được tài sản của bà T9, K, L chạy ra trước quán lên xe tẩu thoát cùng Quốc A1.

Sau khi thực hiện các vụ cướp trên, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A ở khu phố P, phường M, thị xã P để kiểm tra tiền cướp được. K và L lấy tiền trong túi ra đếm được khoảng hơn 1.120.000 đồng. Lúc này, do Lê Tấn P bị thương đang ngủ tại chòi nên K đưa cho P 500.000 đồng để thay băng vết thương, số tiền còn lại cả nhóm dùng để mua đồ về ăn nhậu chung.

Vụ thứ 05: Khoảng 22 giờ ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản, cả nhóm đồng ý. Sau đó A điều khiển xe Wave màu xanh BKS: 72E1-920.50 của Quốc A1 chở K, P mang theo 02 cây dao tự chế, Q điều khiển xe Wave màu xanh BKS: 72E1-905.47 của K3 chở L mang theo 01 tuýp sắt đi đến quán “Cà phê giải khát” ở khu phố S, phường T, thị xã P do bà Đặng Thị Tuyết D làm chủ. A, Q đứng bên ngoài canh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K tiếp tục cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà D cướp số tiền 500.000 đồng rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn. Sau đó, cả nhóm chạy xe về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A lấy số tiền vừa cướp được đi mua đồ để cả nhóm nhậu chung.

Vụ thứ 06: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/12/2023, sau khi ăn nhậu tại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Sau đó, L1 điều khiển xe Dream (không rõ biển số) mượn của bạn (không rõ lai lịch) chở theo Q và L, trong đó L cầm theo một cây ống tuýp sắt. A điều khiển xe Wave màu xanh BKS: 72E1-920.50 của Quốc A1, chở theo K và P, mỗi người cầm theo một con dao tự chế đi đến quán cà phê “Trở Lại” thuộc thôn P, xã T, thị xã P do bà Nguyễn Thị H4 làm chủ. A, Q, L1 đứng bên ngoài canh giới còn K, P, L cầm hung khí chạy vào trong quán đe dọa bà H4 rồi cướp số tiền 300.000 đồng. Sau đó, K, L, P còn đập phá thêm 05 cái bàn và 02 cái ghế nhựa rồi ra ngoài lên xe tẩu thoát cùng đồng bọn.

Vụ thứ 07: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Trở lại”, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 tiếp tục điều khiển xe đến quán cà phê “Chờ bạn 72” thuộc thôn P, xã T, thị xã P do bà Lê Thị N3 làm chủ. Lúc này A, Q, L1 dừng xe trước quán, nổ máy xe đợi sẵn còn K, L, P xuống xe cầm hung khí chạy vào quán. Trong quán lúc này có ông Nguyễn Duy P4 đang ngồi uống cà phê nói chuyện với bà Hồ Thị Cẩm L3 và bà Phạm Thị H5. Lúc này K, L và P cầm hung khí đập phá bàn ghế trong quán và chạy về phía anh P4 đang ngồi, đưa dao tự chế hướng vào người anh P4 để đe dọa và yêu cầu anh P4 đưa tiền. P lục trong người anh P4 lấy ra 01 cái ví, P mở ví lấy số tiền 8.000.000 đồng và 300 USD rồi đưa ví lại cho anh P4, khi anh P4 định chống trả thì P dùng dao chém một nhát vào tay phải gây thương tích cho anh P4. P, K, L còn dùng hung khí đe dọa cướp của bà L3 cướp số tiền 400.000 đồng. Riêng bà H5 chạy ra phía sau trốn được nên không bị thiệt hại tài sản. Khi cướp tài sản, P và L còn đập phá thêm 02 mắt camera của quán rồi mang theo ra ngoài tẩu thoát cùng đồng bọn.

Sau khi cướp được tiền, cả nhóm về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A để cất giấu hung khí và phương tiện. P, K, A thống nhất cất giấu riêng số tiền 5.500.000 đồng, riêng số tiền 300 USD Phát tự cất riêng không có nói cho ai biết và chỉ thông báo cho cả nhóm biết là lấy được 3.200.000 đồng và chia cho 06 người, mỗi người 300.000 đồng để tiêu xài. Còn lại K giữ để mua đồ nhậu cho cả nhóm. Số tiền 5.500.000 cất giấu riêng thì P chia cho K 2.000.000 đồng, A 1.500.000đ. Còn số tiền 300 USD Phát tự đi đổi thành tiền Việt Nam đồng ở một tiệm vàng (không rõ tên, địa chỉ) trên đường bỏ trốn và sử dụng tiêu xài cá nhân riêng.

Vụ thứ 08: Khoảng 22 giờ ngày 26/12/2023, sau khi ăn nhậu tại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thanh A3, Nguyễn Trường V rủ nhau đi đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã P để cướp tài sản. Sau đó, A3 điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 72E1-905.47 của K3 chở L cầm theo một cây ống tuýp sắt giấu trong áo khoác ngoài, V điều khiển xe Wave màu xanh, BKS: 72E1-920.50 của Quốc A1 chở theo K và P, mỗi người cầm theo một con dao tự chế giấu trong áo khoác đi đến quán cà phê “Hoa Hồng Đỏ” thuộc ấp F, xã T, thị xã P, tỉnh BR-VT do ông Nguyễn Văn P5 làm chủ. A3 và V đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào quán rồi dùng dao chém vào những chai nước trên quầy, đồng thời yêu cầu ông P5 phải đưa tiền, còn L đi tìm, đập phá 01 mắt camera trong quán và lấy mang ra ngoài đứng cảnh giới cùng với V, A3. Lo sợ sẽ bị các đối tượng chém gây thương tích cho mình nên ông P5 đã đưa cho K, P số tiền khoảng 400.000 đồng. Sau khi lấy tiền xong P, K đi ra ngoài lên xe của V, A3, L đang đợi trước quán rồi tẩu thoát.

Vụ thứ 09: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Hoa Hồng Đỏ”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thanh A3, Nguyễn Trường V tiếp tục điều khiển xe đi đến quán cà phê “P” thuộc ấp A, xã T, thị xã P, tỉnh BR-VT do ông Trần Văn M1 cùng vợ là Trần Thị N4 làm chủ. Trong quán lúc này có ông Nguyễn Văn Đ2 đang ngồi uống nước. A3 và V dừng xe trước quán đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào quán. L cầm hung khí đi tìm camera của quán để đập rồi lấy mang ra ngoài đứng cảnh giới cùng A3, V. K, P chạy đến vị trí chòi nơi anh Đ2 đang ngồi uống nước, P dùng hung khí chém vào cánh tay phải, đầu gối phải, đầu gối trái và yêu cầu ông Đ2 đưa tiền. Do ông Đ2 không có tài sản trong người nên K, P, L chạy vào phòng khách nơi ông M1 và bà N4 đang ngồi rồi dùng hung khí đe dọa ông M1, bà N4 để cướp tài sản. Lo sợ bị chém nên ông M1 đưa ví cho P, P lấy hết số tiền 200.000 đồng trong ví rồi trả lại ví cho ông M1. Sau đó, K, P yêu cầu ông M1 bà N4 đi vào trong nhà đóng cửa lại để cả hai ra ngoài lên xe tẩu thoát.

Vụ thứ 10: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Phát Đạt”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V tiếp tục điều khiển xe đi đến quán Cà phê “Nhụy Thủy” ở thôn P, xã T, thị xã P do bà Danh Thị Bích H6 làm chủ. Lúc này trong quán có ông Lê Văn T10 đang ngồi uống nước tại quán. A và V đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn, P, L, K cầm hung khí chạy vào trong quán, P kề dao vào cổ của ông T10 đe dọa, còn K, L lục lọi trên người ông T10 lấy số tiền 520.000 đồng và 100USD. Sau đó, cả ba ra ngoài lên xe của A, V đang đợi sẵn để tẩu thoát.

Vụ thứ 11: Sau khi rời khỏi quán cà phê “Nhụy Thủy”, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V đi đến quán cà phê “Loan A4” ở khu phố P, phường M, thị xã P do bà Nguyễn Thị Thúy A2 làm chủ. A2, V đứng bên ngoài cảnh giới và nổ máy xe đợi sẵn còn P, K, L cầm hung khí chạy vào trong quán để đe dọa cướp tài sản. Lúc này trong quán có ông Lê Minh T11 đang chuẩn bị lấy xe về thì K, P cầm hung khí chạy tới chỗ ông T11 đe dọa cướp tài sản. Khi P thấy ông T11 có tiền ở túi áo sơ mi nên đã choàng tay lấy đồng thời dùng sòng dao chém một nhát vào bắp tay trái để đe dọa, lúc này ông T11 giật tiền lại rồi chạy vào trong quán cà phê Loan A4 và kêu bà Thúy A2 báo Công an. P, L, K cầm hung khí đuổi theo vào bên trong. Lúc này, ông T11 lấy được 01 cây sắt ở trong quán dùng để tự vệ thì bị P dùng dao chém vào tay gây thương tích, ông T11 hoảng sợ nên trốn vào trong quán. P, K, L không đuổi theo nữa mà leo lên bệ camera cùng bộ nhớ camera lấy đi rồi ra tiếp tục đập phá một cái bàn và 02 ghế nhựa trong quán. Trước khi ra ngoài tẩu thoát L còn lấy thêm 01 lốc nước 06 chai Sting và 01 lốc nước 06 chai C2.

Sau khi thực hiện các vụ cướp nêu trên, cả nhóm di chuyển về lại căn chòi của gia đình Nguyễn Thanh A3 cất dấu hung khí. P có đưa tiền cướp được ra đếm thì được tổng cộng khoảng 1.120.000 đồng và 01 tờ 100USD. Số tiền cướp được, các đối tượng đã mua đồ ăn nhậu chung.

Quá trình làm việc tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 33/KLTTCT-PYBRVT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B-VT kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy P4 tại thời điểm giám định là 02% (Hai phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 36/KLTTCT-PYBRVT ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B-VT kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Minh T11 tại thời điểm giám định là 05% (Năm phần trăm). Ông Lê Minh T11 có đơn yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của K, L, P, A, V.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐ.DGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận:

- 05 (năm) bàn nhựa loại thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 02 (hai) ghế nhựa lưng tựa thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐ.DGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận:

- 300 USD (ba trăm đô la Mỹ). Tại thời điểm ngày 21/12/2023 tài sản có giá là : 300 USD x 24.100 đồng = 7.230.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng)

- 02 (hai) bộ camera kèm thẻ nhớ, không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2022. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 01 (một) bàn nhựa loại thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 02/2022. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐ.ĐGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã P kết luận: 01 (một) bộ camera kèm thẻ nhớ, không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 03/2022. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 23/KL-HĐ.ĐGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận: 100 USD (một trăm đô la Mỹ). Tại thời điểm ngày 26/12/2023 tài sản có giá là: $100 \text{ USD} \times 24.100 \text{ đồng} = 2.410.000 \text{ đồng}$ (hai triệu, bốn trăm mười ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐ.ĐGTS ngày 27/03/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND Thị xã P kết luận:

- 01 (một) bộ camera kèm thẻ nhớ, nhãn hiệu IMOU loại quay 360 độ, không rõ cấu hình đặc điểm chi tiết mua mới vào khoảng tháng 06/2023. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về cấu hình, đặc điểm chi tiết).

- 02 (hai) bàn nhựa loại thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 12/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 01 (một) ghế nhựa lưng tựa thấp không rõ chủng loại, nhãn hiệu, mua mới vào khoảng tháng 12/2021. Tài sản không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (không rõ thông tin về nhãn hiệu).

- 06 (sáu) chai nước ngọt Sting mua đầu tháng 12/2023. Tại thời điểm ngày 26/12/2023 tài sản có giá trị là $8.000\text{đ}/\text{chai} \times 6 \text{ chai} = 48.000\text{đ}$ (bốn mươi tám ngàn đồng).

- 06 (sáu) chai nước ngọt C2 mua vào đầu tháng 12/2023. Tại thời điểm ngày 26/12/2023 tài sản có giá trị là $7.000\text{đ}/\text{chai} \times 6 \text{ chai} = 42.000\text{đ}$ (bốn mươi hai ngàn đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền do các bị cáo cướp được của các bị hại đã tiêu xài hết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không thu hồi được.

- Đối với số mất Camara Nguyễn Tấn L lấy khi cướp tài sản tại các quán cà phê, L đã vứt trên đường đi và không nhớ địa điểm; chiếc xe Dream (không rõ biển số) Nguyễn Văn L1 mượn của bạn (không rõ nhân thân lai lịch) và đã trả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không thu giữ được.

- Đối với 01 xe mô tô BKS: 72E1-920.50 loại xe Honda Wave, màu xanh-bạc thu giữ của Nguyễn Lê Quốc A1 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T5 (bố ruột của Quốc A1); 01 xe mô tô BKS: 72E1-905.47, loại xe Honda Wave,

màu xanh-đen-bạc thu giữ của Trần Phạm Tuấn K3 là tài sản hợp pháp của Trần Phạm Quang V1 (anh ruột của K3). Việc K, K3 sử dụng các xe mô tô trên để đi cướp tài sản ông T5, ông V1 không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại 02 xe mô tô trên cho ông T5, ông V1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 225/QĐ Ngày 21/02/2024, số 547/QĐ ngày 12/04/2024.

- Đối với 01 con dao dài tự chế, lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán được ốp bằng gỗ, lưỡi dao có một cạnh sắc và một cạnh tù, mũi dao nhọn, dao dài 63cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 5,5cm; 01 con dao dài tự chế, lưỡi bằng kim loại đã bị rỉ sét được hàn với một cán dao bằng ống tuýp sắt, lưỡi dao có một cạnh sắc và một cạnh tù, mũi dao nhọn, dao dài 75cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 5,5cm; 01 ống tuýp sắt, đã bị cong vênh, có chiều dài là 96,5cm thu giữ tại căn chòi của gia đình Nguyễn Thành A đã chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ bảo quản, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với các bị hại Trần Văn M1, Nguyễn Văn P5, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thúy A2, Lý Thị T9, Hồ Thị Cẩm L3, Lê Thị N3, Nguyễn Thị Bích L2, Lê Minh T11 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cũng như hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đối với các bị hại Nguyễn Duy P4, Lê Văn T10, Lê Thị H3, Trương Thị T8, Đặng Thị Tuyết D, gia đình các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại trên, các bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Ngoài các vụ cướp tài sản trên, vào ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q còn cướp của bà T3 (không rõ nhân thân lai lịch) 300.000 đồng tại quán cà phê “Đông Nhi” thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cướp của một người khách nam (không rõ nhân thân lai lịch) tại quán cà phê “Biển Nhớ”. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục xác minh, tìm kiếm người bị hại, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q vào quán cà phê “Biển Nhớ” của bà Nguyễn Thị Bích L2 để cướp tài sản nhưng bà L2 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì; ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V vào quán cà phê tên “179” của bà L4 để cướp tài sản nhưng bà L4 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì. Vì các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì và cũng không nhắm đến chiếm đoạt cụ thể tài sản nào nên không xử lý các bị cáo đối với những hành vi trên.

Đối với hành vi đập phá bàn, ghế, Camera của các bị cáo khi vào cướp tài sản tại các quán cà phê, do không định giá được giá trị tài sản nên không đủ cơ sở để xử lý các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Chờ bạn 72” của bà Lê Thị N3, các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Nguyễn Duy P4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 02%. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông P4 đã có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự nên hành vi của các bị cáo không cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Tấn P, khi nhận số tiền 500.000 đồng của K cho, P không biết đây là số tiền do nhóm K vừa đi cướp tài sản mà có. Vì vậy, hành vi của P không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 05/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Truy tố Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 phạm tội “Cướp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Minh K mức án từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Minh K mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

4. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V mỗi bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

5. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L1 từ 07 (sáu) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

6. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1 mỗi bị cáo từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

7. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Sơn N2 mỗi bị cáo từ 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 con dao tự chế, 01 ống tuýp sắt là hung khí các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Viết T6 đối với bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Tấn L: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo thì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công ban đầu trước khi đi cướp tài sản nên chỉ là đồng phạm giản đơn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm a Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự về phạm tội có tổ chức là không phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Gia đình các bị cáo A, N1, L đã bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Thị T7 đối với bị cáo Lê Minh Q, Nguyễn Trường V: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố bị cáo Q, V về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo thì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công ban đầu trước khi đi cướp tài sản nên chỉ là đồng phạm giản đơn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm a Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự về phạm tội có tổ chức là không phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Gia đình các bị cáo Q, V đã bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Minh P3 đối với bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1, Trần Phạm Tuấn K3: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố bị cáo Q, V về tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo thì các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công ban đầu trước khi đi cướp tài sản nên chỉ là đồng phạm giản đơn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm a Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự về phạm tội có tổ chức là không phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo tham gia với vai trò cảnh giới, không sử dụng vũ khí để tấn công bị hại. Mặt khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ không có điều kiện để cho bị cáo đi học mà phải đi làm kiếm sống từ đó hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế. Gia đình các bị cáo A1, K3 đã bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo L, A, V, Q, K3, A, N1 đều thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư:

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nhưng các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ, tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo khi thực hiện các vụ cướp tài sản. Trong một khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, gây mất an ninh trật tự, tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tại điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến

hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2023, tại phường P và phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Trường V, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của bà Lê Thị Kim H7 số tiền 220.000 đồng tại quán cà phê “Kim Ngân”; chiếm đoạt của bà Trương Thị T8 số tiền 500.000 đồng tại quán cà phê vông “368”; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền 200.000 đồng tại quán cà phê “Biển nhớ”. Ngoài ra Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Lê Quốc A1 còn chiếm đoạt thêm của bà Lý Thị T9 số tiền 100.000 đồng tại quán cà phê “Hồng Ngọc”.

Khoảng 22 giờ ngày 19/12/2023, tại quán “Cà phê giải khát” thuộc phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của bà Đặng Thị Tuyết D số tiền 500.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 21/12/2023, tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H4 số tiền 300.000 đồng tại quán cà phê “Trở lại”; chiếm đoạt của ông Nguyễn Duy P4 số tiền 8.000.000 đồng, 300.000 USD trị giá 7.230.000 đồng, chiếm đoạt của bà Hồ Thị Cẩm L3 số tiền 400.000 đồng tại quán cà phê “Chờ bạn 72”.

Khoảng 22 giờ ngày 26/12/2023, tại xã T, xã T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P5 số tiền 400.000 đồng tại quán cà phê Hoa Hồng Đ3; chiếm đoạt của ông Trần Văn M1 số tiền 200.000 đồng tại quán cà phê “Phát Đạt”; chiếm đoạt của ông Lê Văn T10 số tiền 520.000 đồng, 100 USD trị giá 2.410.000 đồng tại quán cà phê “Nhụy T12”; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thúy A2 06 chai nước Sting, 06 chai nước C2 tổng trị giá 90.000 đồng tại quán cà phê “Loan Anh”.

Như vậy, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L đã tham gia 04 ngày, thực hiện tất cả 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 21.070.000 đồng; Lê Tấn P, Nguyễn Thành A đã tham gia 03 ngày, thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 20.050.000 đồng; Nguyễn Trường V đã tham gia 02 ngày, thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 4.540.000 đồng; Lê Minh Q đã tham gia 02 ngày, thực hiện 03 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 16.430.000 đồng; Nguyễn Lê Quốc A1 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 04 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 1.020.000 đồng; Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Đình Sơn N2 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 03 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 920.000 đồng; Nguyễn Văn L1 đã tham gia 01 ngày, thực hiện 02 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá 15.930.000 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Loan Anh” ở khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V còn có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế chém gây thương tích cho ông Lê Minh T11 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 05%. Ông T11 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của K, L, P, A, V.

Do đó, hành vi của các bị cáo K, P, L, A, V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về khung hình phạt: Các bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là ống tuýp sắt, dao tự chế để khống chế, đe dọa các bị hại, tấn công các bị hại để nhằm chiếm đoạt tài sản. Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nhưng các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ, tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo khi thực hiện các vụ cướp tài sản. Trong một khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản trên địa bàn thị xã P, gây mất an ninh trật tự, tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi gây thương tích cho ông T11, các bị cáo K, P, L, A, V đã sử dụng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho ông T11 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%, ông T11 có đơn yêu cầu truy tố các bị cáo. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò và tính chất mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tuy không có sự bàn bạc, phân công, lên kế hoạch cụ thể cho từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo tự xác định được nhiệm vụ của từng bị cáo, khi thực hiện các vụ cướp các bị cáo đều có sự câu kết chặt chẽ với nhau do đó hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức.

Trong vụ án này Nguyễn Minh K đã khởi xướng và rủ rê các bị cáo L, V, P, A, K3, A, L1 tham gia, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cũng trực tiếp dùng hung khí đe dọa bị hại để cướp tài sản. Do đó bị cáo tham gia với vai trò chính, các bị cáo P, L, V, A, Q, K3, A, N2, L1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực. Để có căn cứ quyết định hình phạt cần xác định cụ thể số vụ của từng bị cáo tham gia, tính chất, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo để lượng hình phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh K là người đã thành niên nhưng có hành vi xúi dục người chưa thành niên là các bị cáo L, V, A, K3, Quốc A1 thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo L, A, V, Q, K3, A, N2, Lũy quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại có yêu cầu bồi thường. Do đó cần áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4.3]. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của ông T11, xâm phạm đến hoạt động kinh doanh của các quán cà phê trên địa bàn thị xã P, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên đối với các bị cáo cần có một hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với Nguyễn Minh K, K là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia và đã xuyên suốt thực hiện 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 21.070.000 đồng. Khi thực hiện các vụ cướp tài sản bị cáo cũng là người thực hành chính và tích cực. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Lê Tấn P, khi được K rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 07 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 20.050.000 đồng. Khi thực hiện các vụ cướp tài sản bị cáo cùng với K là người thực hành chính và tích cực. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Nguyễn Tấn L, khi được K rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 21.070.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là đập bỏ các mắt camera có trong quán, giúp sức cho các bị cáo K, P thực hiện trót lọt các vụ cướp. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm

tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với Nguyễn Văn L1, khi được K rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 02 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 15.930.000 đồng. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Nguyễn Thành A, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 07 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 20.050.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo K, P đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với Nguyễn Trường V, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 07 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 4.540.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo K, P đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với Lê Minh Q, khi được L rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 16.430.000 đồng. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Phạm Tuấn K3, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 920.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo khác đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Lê Quốc A1, khi được K rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 04 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 1.020.000 đồng.

Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo khác đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình Sơn N2, khi được L rủ bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 920.000 đồng. Nhiệm vụ của bị cáo là chở các bị cáo khác đến địa điểm cướp tài sản đồng thời cảnh giới để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên cần xem xét thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Văn M1, Nguyễn Văn P5, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thúy A2, Lý Thị T9, Hồ Thị Cẩm L3, Lê Thị N3, Nguyễn Thị Bích L2, Lê Minh T11 không yêu cầu các bị can phải bồi thường thiệt hại cũng như hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đối với các bị hại Nguyễn Duy P4, Lê Văn T10, Lê Thị H7, Trương Thị T8, Đặng Thị Tuyết D, gia đình các bị can Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N1, Nguyễn Văn L1 đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại trên, các bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 02 con dao tự chế, 01 ống tuýp sắt là hung khí các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

[8]. Về các vấn đề khác: Ngoài các vụ cướp tài sản trên, vào ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q còn cướp của bà T3 (không rõ nhân thân lai lịch) 300.000 đồng tại quán cà phê “Đồng Nhi” thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cướp của một người khách nam (không rõ nhân thân lai lịch) tại quán cà phê “Biển Nhớ”. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục xác minh, tìm kiếm người bị hại, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Ngày 19/12/2023, Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q vào quán cà phê “Biển Nhớ” của bà Nguyễn Thị Bích L2 để cướp tài sản nhưng bà L2 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì; ngày 26/12/2023, Nguyễn Minh K, Nguyễn Tấn L, Lê Tấn P, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V vào quán cà phê tên “179” của bà L4 để cướp tài sản nhưng bà L4 bỏ chạy nên các bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì. Vì các

bị cáo không chiếm đoạt được tài sản gì và cũng không nhắm đến chiếm đoạt cụ thể tài sản nào nên không xử lý các bị cáo đối với những hành vi trên.

Đối với hành vi đập phá bàn, ghế, Camera của các bị cáo khi vào cướp tài sản tại các quán cà phê, do không định giá được giá trị tài sản nên không đủ cơ sở để xử lý các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình thực hiện vụ cướp tại quán cà phê “Chờ bạn 72” của bà Lê Thị N3, các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Nguyễn Duy P4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 02%. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông P4 đã có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự nên hành vi của các bị cáo không cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Tấn P, khi nhận số tiền 500.000 đồng của K cho, P không biết đây là số tiền do nhóm K vừa đi cướp tài sản mà có. Vì vậy, hành vi của P không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P (tức P), Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V phạm tội “Cướp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”;

Các bị cáo Nguyễn Văn L1, Lê Minh Q, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm o, g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh K 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Minh K 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Minh K phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

2. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Tấn P 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Lê Tấn P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2024.

3. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn L 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Tấn L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2024.

4. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trường V 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trường V 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Trường V phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

5. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thành A 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Thành A phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

6. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

7. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Minh Q 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

8. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Phạm Tuấn K3 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

9. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Sơn N2 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

10. Áp dụng điểm a, d, g Khoản 2 Điều 168; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Lê Quốc A1 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

11. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

12. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) dao tự chế dài 63cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có một cạnh sắc và một cạnh tù, lưỡi dao chỗ rộng nhất 5,5cm, mũi dao nhọn, cán được ốp bằng gỗ; 01(một) dao tự chế dài 75cm, lưỡi dao bằng kim loại đã rỉ sét có một cạnh sắc và một cạnh tù, lưỡi dao chỗ rộng nhất 5,5cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao được hàn với cán bằng ống tuýp sắt và 01(một) ống tuýp sắt dài 96,5cm đã bị cong vênh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 123/BB-CCTHADS ngày 30/7/2024 giữa Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ).

13. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Minh K, Lê Tấn P, Nguyễn Tấn L, Nguyễn Thành A, Nguyễn Trường V, Lê Minh Q, Nguyễn Văn L1, Trần Phạm Tuấn K3, Nguyễn Lê Quốc A1, Nguyễn Đình Sơn N2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn).

14. Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thu Hiền

